

Bắc Ninh, ngày 30... tháng 12... năm 2024

NGHỊ QUYẾT
HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI
(phiên họp bất thường)

V/v: : ban hành Quy chế công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 05/04/2024;

- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội số 4.5.../VIH- HĐQT ngày 30... tháng 12... năm 2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phê duyệt việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Bộ phận và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VPCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Tiên Dũng

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI
(phiên họp bất thường)

V/v: ban hành Quy chế công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 05/04/2024;

Vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại Nhà máy Viglacera Yên Phong- Công ty CP Viglacera Hà Nội đã diễn ra cuộc họp Hội đồng quản trị.

A. Thành phần cuộc họp gồm:

- | | |
|-----------------------|--------------------------------|
| 1. Ông Lê Tiến Dũng | Chủ tịch HĐQT- Chủ tọa |
| 2. Ông Nguyễn Chí Hòa | Ủy viên HĐQT- Giám đốc Công ty |
| 3. Ông Đinh Quang Huy | Ủy viên HĐQT |
| 4. Ông Mai Xuân Đức | Ủy viên HĐQT |
| 5. Ông Đoàn Hải Mậu | Ủy viên HĐQT |

Thư ký cuộc họp: Bà Bùi Thu Hằng

B. Nội dung cuộc họp: Thông qua việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội.

Biên bản này được lập xong lúc 8h 30 cùng ngày, các thành viên tham gia đã đọc kỹ, đồng ý với nội dung biên bản này và cùng ký tên dưới đây.



Các thành viên Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Chí Hòa

Lê Tiến Dũng

Ông Đinh Quang Huy

THƯ KÝ

Ông Đoàn Hải Mậu

Bùi Thu Hằng

Ông Mai Xuân Đức

Nơi nhận:

- P.TCHC;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Công bố thông tin website, UBCK.



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 4.6./VIH-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 4.6./VIH-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng quản trị Ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội bao gồm các nội dung sau:



MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Mục đích.....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt.....	3
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin.....	5
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.....	6
Điều 6. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.....	7
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin.....	7
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin.....	7
CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	7
Điều 9. Công bố thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng.....	7
Điều 10. Công bố thông tin định kỳ.....	8
Điều 11. Công bố thông tin bất thường.....	9
Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	16
Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty.....	16
Điều 14. Công bố thông tin của các đối tượng khác.....	17
Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.....	18
Điều 16. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty.....	18
CHƯƠNG III: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	18
Điều 17. Quy trình công bố thông tin.....	18
CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	19
Điều 18. Trách nhiệm của người thực hiện công bố thông tin.....	19
Điều 19. Trách nhiệm các đơn vị/phòng/ban liên quan.....	19
Điều 20. Trách nhiệm xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	20
Điều 21. Điều khoản thi hành.....	20

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích.

Quy chế công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “**Quy chế**”) được Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội ban hành. Quy chế này tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin của Công ty đảm bảo việc cung cấp thông tin đồng bộ, chính xác, minh bạch và kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Quy chế cũng giúp xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận liên quan trong quá trình công bố thông tin, nhằm đảm bảo việc công bố thông tin diễn ra một cách đồng bộ và hiệu quả.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh về cách thức, trình tự công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm thông tin định kỳ, thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thông tin về các hoạt động khác của Công ty. Quy chế cũng điều chỉnh việc phối hợp giữa các phòng/ban, cá nhân trong Công ty liên quan đến hoạt động công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a. Người thực hiện công bố thông tin;
- b. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- c. Các bộ phận, cá nhân có liên quan đến quá trình công bố thông tin của Công ty;
- d. Cổ đông;
- e. Cơ quan, tổ chức khác có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt.

1. Giải thích từ viết tắt

- a. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- b. GDCK: Giao dịch Chứng khoán.
- c. BCTC: Báo cáo tài chính.

- d. BCTN: Báo cáo thường niên.
- e. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- f. CBTT: Công bố thông tin.

2. Giải thích từ ngữ

- a. Công ty: là Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội, mã số thuế: 0100774247, địa chỉ: Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1, đại lộ Thăng Long, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- b. Người nội bộ của Công ty bao gồm:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
 - + Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - + Kế toán trưởng;
 - + Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền CBTT;
 - + Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty.
- c. Người có liên quan của người nội bộ là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - + Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - + Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết;
 - + Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - + Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - + Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - + Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Bộ phận CBTT và người thực hiện CBTT của Công ty phải đảm bảo tổ chức thực hiện CBTT đầy đủ, minh bạch, chính xác, và kịp thời theo đúng các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mọi thông tin được công bố phải phản ánh trung thực tình hình hoạt động, tài chính và các sự kiện quan trọng của Công ty, không che giấu hoặc làm sai lệch thông tin nhằm tác động tiêu cực đến lợi ích của nhà đầu tư và cổ đông.
2. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: căn cước công dân, chứng minh nhân dân, chứng minh quân nhân, hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Nếu cá nhân không đồng ý công khai thông tin này, Công ty không được gửi hồ sơ bao gồm thông tin cá nhân cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Khi có sự thay đổi nội dung thông tin đã được công bố trước đó, đối tượng CBTT phải thực hiện công bố kịp thời và đầy đủ nội dung thay đổi cùng với lý do thay đổi so với thông tin đã công bố ban đầu. Việc CBTT thay đổi phải được thực hiện ngay khi phát sinh sự thay đổi để đảm bảo tính minh bạch và chính xác.
4. Việc CBTT của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền hợp pháp thực hiện. Đối với cá nhân, việc CBTT sẽ do cá nhân đó tự thực hiện hoặc có thể ủy quyền cho một tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện việc CBTT theo đúng quy định pháp luật.
5. Tất cả các thông tin đã công bố phải được lưu trữ và bảo quản dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tại Công ty trong thời gian tối thiểu 10 năm đối với các thông tin công bố định kỳ và tối thiểu 05 năm đối với các thông tin công bố bất thường, công bố theo yêu cầu hoặc công bố về các hoạt động khác. Những thông tin được công bố phải được lưu trữ và đảm bảo có thể truy cập

trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời gian tối thiểu là 05 năm.

6. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, việc CBTT sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ hoặc ngày lễ đó để đảm bảo tính kịp thời và tuân thủ các quy định về CBTT.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.

1. Người thực hiện CBTT của Công ty là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền chính thức thực hiện CBTT theo quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, nêu rõ phạm vi, thời gian ủy quyền và phải được đăng ký với UBCKNN và Sở GDCK.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm cuối cùng về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của các thông tin mà người được ủy quyền công bố. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm pháp lý của người đại diện theo pháp luật trong việc đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin được công bố.

Trong trường hợp phát sinh thông tin phải công bố mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền đều không thể thực hiện CBTT (do vắng mặt hoặc các lý do khác), thành viên giữ chức vụ cao nhất trong Ban Điều hành Công ty sẽ chịu trách nhiệm thay thế để thực hiện CBTT một cách kịp thời và đúng quy định pháp luật. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT;
3. Công ty có trách nhiệm đăng ký hoặc đăng ký lại người thực hiện CBTT với UBCKNN và Sở GDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm giám sát và kiểm tra quá trình thực hiện CBTT của người được ủy quyền, đảm bảo rằng mọi thông tin được công bố đều chính xác, kịp thời và đúng quy định pháp luật. Trường hợp phát hiện ra sai sót hoặc vi phạm trong quá trình CBTT, người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục ngay

lập tức, đồng thời thông báo cho UBCKNN và Sở GDCK về bất kỳ thay đổi hay cập nhật nào liên quan đến thông tin đã công bố.

Điều 6. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Thông tin được công bố trên thị trường chứng khoán phải bằng tiếng Việt. Công ty khuyến khích việc CBTT song ngữ, bao gồm tiếng Việt và một ngôn ngữ nước ngoài khác (thường là tiếng Anh) để đảm bảo tính quốc tế và giúp các nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng tiếp cận thông tin.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện CBTT bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử của Công ty và các kênh truyền thông nội bộ khác (nếu có) của Công ty;
 - b. Hệ thống CBTT của UBCKNN;
 - c. Trang thông tin điện tử của Sở GDCK;
 - d. Các phương tiện thông tin đại chúng khác (báo in, báo điện tử, ...).
2. Việc CBTT qua các phương tiện trên phải tuân thủ đúng hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty có quyền tạm hoãn việc CBTT trong các trường hợp vì lí do bất khả kháng, bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, bạo loạn, và các lý do bất khả kháng khác. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm báo cáo ngay cho UBCKNN và Sở GDCK về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải tiến hành công bố ngay lập tức và đầy đủ tất cả các thông tin đã bị tạm hoãn theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi hoặc bổ sung nào liên quan đến thông tin bị tạm hoãn, Công ty phải công bố rõ ràng lý do thay đổi hoặc bổ sung thông tin so với thông báo ban đầu.

CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Công bố thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Chứng khoán, Công

ty có trách nhiệm công bố về việc trở thành công ty đại chúng kèm bản CBTT về công ty đại chúng trên trang thông tin điện tử của công ty, hệ thống CBTT của UBCKNN.

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ.

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Phương tiện CBTT
1	Báo cáo tài chính năm		
	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. (BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GD&ĐT, trang thông tin điện tử Công ty.
2	Báo cáo thường niên		
	BCTN theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GD&ĐT, trang thông tin điện tử Công ty.
3	Thông tin Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên		
	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm: thông	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp	Trang thông tin điện tử của

	báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	DHĐCĐ.	UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	Trong thời hạn 24 giờ sau khi Thông qua Nghị quyết.	
4	Báo cáo tình hình quản trị công ty		
	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch.	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK ,
	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Thông tin được công bố bất thường; thời hạn CBTT và phương tiện CBTT:

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Phương tiện CBTT
1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được	Thông tin phải công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. (Khi CBTT phải nêu rõ sự kiện xảy ra,	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK , trang thông tin điện tử của Công ty.

	phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên.	nguyên nhân và các giải pháp khác	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	phục (nếu có)	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK , trang thông tin điện tử của Công ty.
3	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK , trang thông tin điện tử của Công ty.
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK , trang thông tin điện tử của Công ty.

	chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.		
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.

	doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK , trang thông tin điện tử của Công ty.
9	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK , trang thông tin điện tử của Công ty.
10	Khi có sự thay đổi sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK , trang thông tin điện tử của Công ty.
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Trang thông tin điện tử của Công ty. Gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định

			tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét.		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
15	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
16	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Công ty.

	chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.		từ của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở GDCK nước ngoài.		Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK, trang thông tin điện tử của Công ty.
19	CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường: Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.	Trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, Sở GDCK.
		Trường họp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản: Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý	Trang thông tin điện tử của Công ty.

		kiến, Công ty phải tiến hành CBTT, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	
20	CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Trường hợp CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ, thời hạn CBTT tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Trang thông tin điện tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GD&ĐT, trang thông tin điện tử của Công ty.
21	Thông tin về ý kiến kiểm toán, kết	10 ngày, kể từ	Trang thông tin điện

luận soát xét, kết quả điều chỉnh hội tố BCTC.	ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	tử của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK , trang thông tin điện tử của Công ty.
---	--	---

2. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu.

1. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi Công ty, đăng ký giao dịch khi xảy ra sự kiện, Công ty phải thực hiện CBTT khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
 - Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty.

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở GDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 14. Công bố thông tin của các đối tượng khác.

1. Cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có trách nhiệm công bố thông tin như sau:
 - a. Khi tổ chức hoặc cá nhân trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty, thông tin và báo cáo về giao dịch phải được công bố cho Công ty, UBCKNN và Sở GDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức hoặc cá nhân trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
 - b. Khi cổ đông lớn có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu dẫn đến việc vượt qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết, thông tin phải được công bố và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và Sở GDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.
2. Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, Sở GDCK, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với

cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 30 ngày.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu đăng ký chào mua công khai hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành, Công ty thực hiện công bố Bản thông báo chào mua công khai, Bản công bố thông tin chào mua công khai (trường hợp chào mua công khai thanh toán bằng tiền), Bản cáo bạch (trường hợp chào mua công khai bằng cổ phiếu phát hành) trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở GDCK.
2. Công ty công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai. Thông tin sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 16. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty.

1. Trong trường hợp có nhu cầu, Công ty có quyền công bố các thông tin sau:
 - a. Chiến lược/định hướng/kế hoạch kinh doanh và các chương trình/chính sách có ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan.
 - b. Thông tin về các dự án/hợp đồng/khách hàng, đối tác/quan điểm về vấn đề liên quan đến thị trường, ngành, cổ phiếu, cổ đông, nhà đầu tư.
2. Việc CBTT được thực hiện định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty và các bên liên quan. Thông tin sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử, các kênh truyền thông nội bộ của Công ty hoặc trên các phương tiện truyền thông khác.

CHƯƠNG III: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Quy trình công bố thông tin.

Quy trình công bố thông tin bao gồm các bước sau:

1. Bước 1: Người CBTT có trách nhiệm thông báo nội dung và thời hạn cần

- CBTT đến bộ phận phụ trách nghiệp vụ để kịp thời chuẩn bị và thực hiện theo đúng quy định.
2. Bước 2: Bộ phận phụ trách nghiệp vụ hoàn chỉnh các tài liệu, báo cáo định kỳ và trình Giám đốc điều hành phê duyệt.
 3. Bước 3: Tổng Giám đốc xem xét nội dung các tài liệu và báo cáo định kỳ, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ trước khi tiến hành công bố thông tin. Sau đó, các tài liệu này sẽ được chuyển đến Người CBTT để tiến hành công bố.
 4. Bước 4: Người thực hiện CBTT sẽ công bố thông tin qua các kênh bao gồm: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán (Sở GDCK), và trang thông tin điện tử của công ty.
 5. Bước 5: Bộ phận Văn thư Lưu trữ có trách nhiệm lưu trữ đầy đủ các thông tin được công bố theo thời hạn nêu tại khoản 5 Điều 4 của Quy chế.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của người thực hiện công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện CBTT, đảm bảo tuân thủ quy trình và thời hạn theo đúng quy định của pháp luật.
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về CBTT và thực hiện CBTT đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc về việc thực hiện CBTT.
4. Thực hiện các công việc khác được giao.

Điều 19. Trách nhiệm các đơn vị/phòng/ban liên quan

1. Các đơn vị/phòng/ban liên quan phải cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin cần thiết cho Bộ phận CBTT để thực hiện nghĩa vụ CBTT.
2. Các đơn vị/phòng/ban phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của thông tin mà họ cung cấp cho Bộ phận CBTT. Trường hợp thông tin cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ gây ảnh hưởng tiêu cực đến Công ty, đơn vị/phòng/ban liên quan sẽ chịu trách nhiệm theo quy định.
3. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế.

Điều 20. Trách nhiệm xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Xử lý vi phạm nội bộ: Mọi vi phạm quy định về CBTT sẽ bị xử lý theo quy định nội bộ của Công ty. Các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, bao gồm cảnh cáo, phạt tiền hoặc sa thải tùy thuộc vào mức độ vi phạm.
2. Xử lý vi phạm theo quy định pháp luật: Trường hợp vi phạm về CBTT gây hậu quả nghiêm trọng, Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và có thể bị phạt hành chính hoặc xử lý hình sự tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho toàn bộ quá trình CBTT của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội.
2. Quy chế này được xây dựng tuân thủ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
3. Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung khi cần thiết để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Tiến Dũng